

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG XÃ HỘI
ĐÀO TẠO TẠI CƠ SỞ HÀ NỘI - DLX

BÁO CÁO TÌNH HÌNH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN SINH
NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH
(tính đến 12H00 ngày 18.8.2015)

Lưu ý dành cho thí sinh: Trường ĐH Lao động – Xã hội xét tuyển sinh theo từng ngành và được căn cứ vào thứ tự nguyện vọng ưu tiên của thí sinh. Do vậy, để thí sinh dễ dàng cập nhập thông tin, Nhà trường sẽ công bố thông tin theo nguyên tắc sau:

- Khi số lượng hồ sơ ĐKXT vào các ngành **chưa vượt quá** chỉ tiêu tuyển sinh, thì tại thời điểm công bố thí sinh sẽ chỉ có tên tại ngành đăng ký nguyện vọng ưu tiên 1. Thí sinh có thể kiểm tra thông tin các nguyện vọng ưu tiên khác tại cột số (9).
- Khi số lượng hồ sơ ĐKXT vào một ngành **vượt quá** chỉ tiêu tuyển sinh của ngành, thì những thí sinh có nguyện vọng ưu tiên 1 có thứ tự xếp hạng vượt quá chỉ tiêu sẽ được xét tiếp đến nguyện vọng ưu tiên 2 và chỉ có tên tại ngành đó nếu có thứ tự xếp hạng chưa vượt quá chỉ tiêu. Tương tự như vậy đối với các nguyện vọng ưu tiên 3 và 4.
- Những thông tin tại Bảng báo cáo chỉ có giá trị tham khảo tại thời điểm công bố chưa tính đến số lượng thí sinh nộp và rút hồ sơ ĐKXT tại các ngày kế tiếp theo quy định.

- Những thí sinh có số Phiếu biên nhận nộp hồ sơ ĐKXT vào trường chưa có tên trong danh sách là những thí sinh chưa được các trường thí sinh đã rút hồ sơ xóa tên khỏi phần mềm đăng ký tuyển sinh, nên Trường ĐH LĐXH chưa thể nhập vào phần mềm tuyển sinh của Trường. Đề nghị các thí sinh trên liên với Trường đã rút hồ sơ ĐKXT để nghị xóa tên khỏi phần mềm tuyển sinh của Trường đó.

Điểm trúng tuyển tạm thời vào ngành QTKD										A00	A01	D1		
										15.00	15.0	15.0		
Tổng số thí sinh trúng tuyển tạm thời vào ngành QTKD												400		
Tổng chỉ tiêu xét tuyển của ngành QTKD												400		
Tên ngành	Số Báo danh	Họ và tên thí sinh	Xếp hạng	UT	To hợp môn	M1	M2	M3	Tong	Ngành ĐK nguyện vọng ưu tiên				GhichuM2
										UT1	UT2	UT3	UT4	
D340101	SPH014446	ĐỖ NHƯ QUỲNH	1	1	D01	6,75	8	6,75	21,5	D340101 D01 0	D340301 D01 7	D340404 D01 4	D760101 D01 45	
D340101	THP016849	ĐẶNG THỊ VỊNH	2	1	A00	7,75	5,5	6,5	20,75	D340101 A00 1	D340404 A00 21	D760101 A00 65	D340301 A00 21	
D340101	TND015412	NGUYỄN THỊ LUYẾN	3	1	D01	7	6,75	5,5	20,75	D340101 D01 1	D340404 D01 21	D760101 D01 65	D340202 D01 7	
D340101	BKA000783	PHẠM THỊ LAN ANH	4	1	A00	6,5	5,75	7	20,25	D340101 A00 3	D340404 A00 36	D340301 A00 42	D340202 A00 10	

Điểm trúng tuyển tạm thời vào ngành QTKD										A00	A01	D1		
										15.00	15.0	15.0		
Tổng số thí sinh trúng tuyển tạm thời vào ngành QTKD												400		
Tổng chỉ tiêu xét tuyển của ngành QTKD												400		
Tên ngành	Số Báo danh	Họ và tên thí sinh	Xếp hạng	UT	To hợp môn	M1	M2	M3	Tong	Ngành ĐK nguyện vọng ưu tiên				GhichuM2
										UT1	UT2	UT3	UT4	
D340101	DCN005522	NGUYỄN THỊ THU HƯỜNG	5	1	D01	6,25	7,5	6	20,25	D340101 D01 3	D340404 D01 36	D340301 D01 42		
D340101	YTB025741	LƯU THỊ HẢI YẾN	6	1	D01	5,75	7,5	6	20,25	D340101 D01 3	D340202 D01 10	D340404 D01 36	D760101 D01 93	
D340101	LNH008935	NGUYỄN THỊ THOAN	7	1	A00	6	6,75	6,75	20	D340101 A00 6	D340404 A00 45			
D340101	SPH010836	NGUYỄN PHƯƠNG LY	8	1	A01	5,75	6,5	7,75	20	D340101 A01 6	D340404 A01 45			
D340101	TLA001141	PHÙNG PHẠM HUỆ ANH	9	1	D01	8	5,75	6	19,75	D340101 D01 8	D340404 D01 58	D760101 D01 112		
D340101	HVN008178	QUÁCH CAO PHÚC	10	1	A01	7	7	3,75	19,75	D340101 A01 8	D340301 A01 65	D340404 A01 58	D340202 A01 17	
D340101	YTB020738	BÙI HƯƠNG THƠM	11	1	A00	6,75	5,75	6,25	19,75	D340101 A00 8	D340404 A00 58	D340301 A00 65	D340202 A00 17	
D340101	HVN007638	NGUYỄN PHONG NHÃ	12	1	A00	6	8,25	5	19,75	D340101 A00 8	D340404 A00 58			
D340101	BKA000227	ĐẶNG THỊ LAN ANH	13	1	D01	6	6,75	6	19,75	D340101 D01 8	D340404 D01 58	D340301 D01 65	D340202 D01 17	
D340101	HDT025194	NGUYỄN THỊ KIM THÚY	14	1	D01	6	6,5	6,25	19,75	D340101 D01 8	D340301 D01 65	D340404 D01 58	D340202 D01 17	
D340101	HHA007253	PHÙNG ĐẮC KHÁNH	15	1	A00	4,25	6,75	7,25	19,75	D340101 A00 8	D340404 A00 58	D760101 A00 112	D340202 A00 17	
D340101	BKA009735	VŨ THỊ NGUYỆT	16	1	D01	4	7	7,75	19,75	D340101 D01 8	D340404 D01 58			
D340101	SPH002308	PHẠM KHUÊ MINH CHÂU	17	1	D01	8,25	5,5	5,75	19,5	D340101 D01 16	D340404 D01 69	D760101 D01 125	D340202 D01 19	
D340101	SPH001809	NGUYỄN THỊ HỒNG ÁNH	18	1	A00	7,25	4,75	6,5	19,5	D340101 A00 16	D340404 A00 69	D340301 A00 82	D760101 A00 125	
D340101	THP014917	PHẠM TRUNG TOÀN	19	1	A00	7	5,5	6,5	19,5	D340101 A00 16	D340404 A00 69	D340301 A00 82		

Điểm trúng tuyển tạm thời vào ngành QTKD										A00	A01	D1		
										15.00	15.0	15.0		
Tổng số thí sinh trúng tuyển tạm thời vào ngành QTKD												400		
Tổng chỉ tiêu xét tuyển của ngành QTKD												400		
Tên ngành	Số Báo danh	Họ và tên thí sinh	Xếp hạng	UT	To hợp môn	M1	M2	M3	Tong	Ngành ĐK nguyện vọng ưu tiên				GhichuM2
										UT1	UT2	UT3	UT4	
D340101	SPH010380	HỒ HẢI LONG	20	1	A00	6,25	5,75	7,5	19,5	D340101 A00 16	D340301 A00 82	D340202 A00 19	D340404 A00 69	
D340101	TDV035785	NGÔ THỊ VÂN	21	1	A00	6	6,5	5,5	19,5	D340101 A00 16	D340301 A00 82			
D340101	TDV009439	TRẦN THỊ THUÝ HẰNG	22	1	D01	5,25	8,25	5,5	19,5	D340101 D01 16	D340404 D01 69			
D340101	SPH012884	NGUYỄN THANH NHÀN	23	1	A00	7,25	6,25	4,75	19,25	D340101 A00 22	D340301 A00 111	D340404 A00 86		
D340101	HDT029007	TRỊNH KIM TUYẾN	24	1	A00	7	5,5	5,75	19,25	D340101 A00 22	D340404 A00 86	D340202 A00 25	D760101 A00 138	
D340101	KQH004233	LÊ THỊ THU HẰNG	25	1	D01	6,5	5,75	6,5	19,25	D340101 D01 22	D340404 D01 86			
D340101	THP013248	VŨ QUỐC THAO	26	1	A00	6,25	5,5	7	19,25	D340101 A00 22	D340404 A00 86	D340301 A00 111	D340202 A00 25	
D340101	TLA013829	HOÀNG HƯƠNG TRÀ	27	1	D01	6	7	6,25	19,25	D340101 D01 22	D340301 D01 111	D340404 D01 86		
D340101	HHA001567	PHẠM THỊ ĐAN CHI	28	1	D01	5,75	6,5	6,5	19,25	D340101 D01 22	D340404 D01 86	D340301 D01 111	D760101 D01 138	
D340101	THP015785	NGUYỄN VĂN TRƯỜNG	29	1	D01	5,5	6,5	6,25	19,25	D340101 D01 22	D340404 D01 86	D340301 D01 111		
D340101	THP016669	VŨ THỊ CẨM VÂN	30	1	D01	5	8,5	4,75	19,25	D340101 D01 22	D340202 D01 25	D340404 D01 86	D340301 D01 111	
D340101	YTB003547	NGUYỄN THỊ DUNG	31	1	D01	4,75	7,5	6	19,25	D340101 D01 22	D340301 D01 111	D340202 D01 25		
D340101	HHA001947	NGUYỄN MẠNH CƯỜNG	32	1	A01	7,25	6,75	4,5	19	D340101 A01 31				
D340101	BKA011948	NGUYỄN THỊ THU THẢO	33	1	D01	6,5	7	5	19	D340101 D01 31	D340404 D01 101	D340301 D01 135	D340202 D01 34	
D340101	THP000111	BÙI THỊ KIM ANH	34	1	A00	6,5	6	5,5	19	D340101 A00 31	D340404 A00 101	D340202 A00 34		

Điểm trúng tuyển tạm thời vào ngành QTKD										A00	A01	D1		
										15.00	15.0	15.0		
Tổng số thí sinh trúng tuyển tạm thời vào ngành QTKD												400		
Tổng chỉ tiêu xét tuyển của ngành QTKD												400		
Tên ngành	Số Báo danh	Họ và tên thí sinh	Xếp hạng	UT	To hợp môn	M1	M2	M3	Tong	Ngành ĐK nguyện vọng ưu tiên				GhichuM2
										UT1	UT2	UT3	UT4	
D340101	THV001277	NGUYỄN THỊ CHI	35	1	A00	5,75	5,25	6,5	19	D340101 A00 31	D340301 A00 135	D340404 A00 101	D340202 A00 34	
D340101	DCN003316	NGUYỄN THỊ HẢO	36	1	D01	4	7,5	6,5	19	D340101 D01 31	D340404 D01 101	D340301 D01 135	D760101 D01 147	
D340101	HDT014035	LÊ HÀ LINH	37	1	D01	3,25	8	5,75	19	D340101 D01 31	D340301 D01 135	D340202 D01 34	D340404 D01 101	
D340101	HHA010492	MẠC VĂN HIỀN NHƠN	38	1	A00	2,5	6,5	6,5	19	D340101 A00 31				
D340101	TLA003595	LÊ MINH ĐỨC	39	1	D01	7	6	5,75	18,75	D340101 D01 38	D340301 D01 177	D760101 D01 162		
D340101	TLA008672	ĐÀO THỊ LUYẾN	40	1	D01	6	6,25	6,5	18,75	D340101 D01 38	D340202 D01 40	D340301 D01 177	D760101 D01 162	
D340101	HHA007277	PHẠM ĐĂNG KHIÊM	41	1	A00	5,75	6	5,5	18,75	D340101 A00 38	D340301 A00 177	D340404 A00 126		
D340101	TLA000121	BÙI NGỌC ANH	42	1	D01	4,75	7,5	6,5	18,75	D340101 D01 38	D340404 D01 126	D340202 D01 40	D340301 D01 177	
D340101	TDV013897	TRẦN THỊ HUYỀN	43	1	A00	4,75	6,25	6,75	18,75	D340101 A00 38	D340301 A00 177	D340404 A00 126		
D340101	DCN007318	NGUYỄN THỊ HỒNG MÂY	44	1	D01	4,5	7	6,75	18,75	D340101 D01 38	D340301 D01 177	D340404 D01 126	D760101 D01 162	
D340101	KHA005912	TRẦN KHÁNH LINH	45	1	D01	4,25	8	6,5	18,75	D340101 D01 38	D340301 D01 177			
D340101	TDV020785	NGUYỄN THỊ KIM NGÂN	46	1	D01	4	7,75	6	18,75	D340101 D01 38	D340404 D01 126	D340301 D01 177		
D340101	BKA015306	PHẠM HẢI YẾN	47	1	D01	3,75	7,5	7	18,75	D340101 D01 38	D340301 D01 177	D340202 D01 40	D340404 D01 126	
D340101	SPH009466	ĐÀM NGỌC LINH	48	1	A01	6,5	6,5	5,5	18,5	D340101 A01 47	D340301 A01 222	D340202 A01 45	D340404 A01 158	
D340101	DCN005075	NGUYỄN THANH HUYỀN	49	1	D01	6,25	8	3,75	18,5	D340101 D01 47	D340404 D01 158			

Điểm trúng tuyển tạm thời vào ngành QTKD										A00	A01	D1		
										15.00	15.0	15.0		
Tổng số thí sinh trúng tuyển tạm thời vào ngành QTKD												400		
Tổng chỉ tiêu xét tuyển của ngành QTKD												400		
Tên ngành	Số Báo danh	Họ và tên thí sinh	Xếp hạng	UT	To hợp môn	M1	M2	M3	Tong	Ngành ĐK nguyện vọng ưu tiên				GhichuM2
										UT1	UT2	UT3	UT4	
D340101	TLA007837	LÊ TÚ LINH	50	1	A00	6,25	6,5	5,75	18,5	D340101 A00 47	D340301 A00 222	D340404 A00 158	D340202 A00 45	
D340101	HDT022924	PHẠM HỮU THÀNH	51	1	A00	6,25	5,25	6,5	18,5	D340101 A00 47	D340301 A00 222	D340202 A00 45		
D340101	LNH003292	ĐÌNH VĂN HIẾU	52	1	A00	6,25	5,25	5,5	18,5	D340101 A00 47	D340404 A00 158	D340301 A00 222		
D340101	YTB000422	HOÀNG THỊ HỒNG ANH	53	1	A00	6,25	4	7,25	18,5	D340101 A00 47	D760101 A00 179	D340202 A00 45	D340301 A00 222	
D340101	TQU005795	HOÀNG THỊ TRANG	54	1	A00	6,25	3,5	5,25	18,5	D340101 A00 47	D340404 A00 158	D340301 A00 222	D340202 A00 45	
D340101	THP010700	LÊ THỊ NHÀN	55	1	D01	6	5	7	18,5	D340101 D01 47	D340404 D01 158	D760101 D01 179	D340202 D01 45	
D340101	SPH015668	NGUYỄN NGỌC THẢO	56	1	D01	5,5	7,5	5,5	18,5	D340101 D01 47	D340404 D01 158	D340202 D01 45	D760101 D01 179	
D340101	THP010365	NGUYỄN HẢI NGỌC	57	1	A00	5,25	6,25	6,5	18,5	D340101 A00 47	D340404 A00 158	D340301 A00 222	D340202 A00 45	
D340101	THP007045	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	58	1	D01	5	7	5,5	18,5	D340101 D01 47	D340301 D01 222	D340404 D01 158	D340202 D01 45	
D340101	TND000356	HOÀNG THỊ ANH	59	1	D01	4,5	6,5	6	18,5	D340101 D01 47	D340404 D01 158	D340301 D01 222	D340202 D01 45	
D340101	TND007509	TRẦN MINH HẰNG	60	1	D01	4,5	6	6,5	18,5	D340101 D01 47	D340404 D01 158	D340301 D01 222		
D340101	YTB023429	PHẠM QUỐC TRỌNG	61	1	A00	4,5	5,5	7,5	18,5	D340101 A00 47	D340404 A00 158	D340301 A00 222		
D340101	THP000630	NGUYỄN THỊ TÚ ANH	62	1	A00	7	6,25	4	18,25	D340101 A00 61				
D340101	HDT022421	ĐÌNH HỒNG THÁI	63	1	A01	6,5	7	3,75	18,25	D340101 A01 61	D340301 A01 268	D760101 A01 200	D340404 A01 190	
D340101	HHA000632	NGUYỄN THỊ NGỌC ANH	64	1	D01	6,5	5,75	5,5	18,25	D340101 D01 61	D340404 D01 190	D760101 D01 200	D340202 D01 51	

Điểm trúng tuyển tạm thời vào ngành QTKD										A00	A01	D1		
										15.00	15.0	15.0		
Tổng số thí sinh trúng tuyển tạm thời vào ngành QTKD												400		
Tổng chỉ tiêu xét tuyển của ngành QTKD												400		
Tên ngành	Số Báo danh	Họ và tên thí sinh	Xếp hạng	UT	To hợp môn	M1	M2	M3	Tong	Ngành ĐK nguyện vọng ưu tiên				GhichuM2
										UT1	UT2	UT3	UT4	
D340101	KQH015429	NGUYỄN ANH TUẤN	65	1	A00	6,5	5,5	5,75	18,25	D340101 A00 61				
D340101	SPH002909	VŨ MẠNH CƯỜNG	66	1	D01	6,25	6,5	5,5	18,25	D340101 D01 61	D340404 D01 190			
D340101	DCN002188	TRẦN HỒNG DƯƠNG	67	1	A00	6,25	5,5	6	18,25	D340101 A00 61	D340301 A00 268	D340202 A00 51	D340404 A00 190	
D340101	HHA009201	NGUYỄN ANH MINH	68	1	A00	6,25	5,5	6	18,25	D340101 A00 61	D340404 A00 190			
D340101	TLA003000	NGUYỄN THỊ THÙY DƯƠNG	69	1	A01	6	7,25	5	18,25	D340101 A01 61	D340404 A01 190			
D340101	KQH014975	BÙI QUANG TRUNG	70	1	D01	6	6,5	5,25	18,25	D340101 D01 61	D340202 D01 51	D340301 D01 268		
D340101	TLA006840	TRẦN THỊ THU HƯƠNG	71	1	D01	6	5,75	5,5	18,25	D340101 D01 61	D340404 D01 190	D760101 D01 200		
D340101	KHA004806	HOÀNG VŨ THANH HƯƠNG	72	1	D01	5,75	6,5	5,5	18,25	D340101 D01 61	D340404 D01 190	D760101 D01 200	D340301 D01 268	
D340101	SPH003220	NGUYỄN ANH DŨNG	73	1	A00	5,5	6,25	6	18,25	D340101 A00 61	D340404 A00 190	D760101 A00 200	D340301 A00 268	
D340101	BKA001329	TRẦN VĂN BIÊN	74	1	A00	5,5	6,25	5,5	18,25	D340101 A00 61	D340202 A00 51			
D340101	TLA001797	NGUYỄN MINH CHÂU	75	1	D01	5	7	6,25	18,25	D340101 D01 61	D340404 D01 190	D340301 D01 268	D340202 D01 51	
D340101	DCN008881	NGUYỄN THỊ CHÂM PHƯƠNG	76	1	D01	5	6	6,75	18,25	D340101 D01 61	D340404 D01 190	D340301 D01 268		
D340101	TQU002624	LÊ THỊ MAI HƯƠNG	77	1	A00	4,5	5,5	6,75	18,25	D340101 A00 61	D340301 A00 268	D340404 A00 190		
D340101	THV003003	HOÀNG VIỆT ĐỨC	78	1	D01	4,5	4,75	5,5	18,25	D340101 D01 61	D760101 D01 200	D340202 D01 51	D340404 D01 190	
D340101	KHA006007	NGUYỄN HỒNG LOAN	79	1	D01	3,75	7	7	18,25	D340101 D01 61	D340301 D01 268	D340404 D01 190	D340202 D01 51	

Điểm trúng tuyển tạm thời vào ngành QTKD										A00	A01	D1		
										15.00	15.0	15.0		
Tổng số thí sinh trúng tuyển tạm thời vào ngành QTKD												400		
Tổng chỉ tiêu xét tuyển của ngành QTKD												400		
Tên ngành	Số Báo danh	Họ và tên thí sinh	Xếp hạng	UT	To hợp môn	M1	M2	M3	Tong	Ngành ĐK nguyện vọng ưu tiên				GhichuM2
										UT1	UT2	UT3	UT4	
D340101	SPH007825	NGUYỄN NGỌC HUYỀN	80	1	D01	7	6,5	4,5	18	D340101 D01 79	D340404 D01 208			
D340101	SPH002626	PHẠM MẠNH CHUNG	81	1	A01	7	6	5	18	D340101 A01 79	D340202 A01 61	D340404 A01 208	D340301 A01 312	
D340101	LNH000213	HOÀNG TUẤN ANH	82	1	A01	6,5	5,75	4,25	18	D340101 A01 79	D340404 A01 208	D340301 A01 312		
D340101	TDV000835	NGUYỄN PHƯƠNG ANH	83	1	A00	6,25	6,25	5	18	D340101 A00 79	D340301 A00 312	D760101 A00 217	D340404 A00 208	
D340101	TDV003011	TRẦN QUỲNH CHI	84	1	D01	6	5,25	6,25	18	D340101 D01 79	D340301 D01 312			
D340101	YTB017009	ĐÌNH VĂN PHÚC	85	1	A00	6	4,75	6,25	18	D340101 A00 79	D340404 A00 208			
D340101	HDT026195	BÙI THỊ TRANG	86	1	A00	5,75	5,5	5,75	18	D340101 A00 79	D340301 A00 312			
D340101	TLA008061	NGUYỄN THỊ MỸ LINH	87	1	D01	5,5	6	6	18	D340101 D01 79	D340404 D01 208	D340301 D01 312	D760101 D01 217	
D340101	TTB001784	NGUYỄN THỊ THU HÀ	88	1	D01	5,5	5,5	5,5	18	D340101 D01 79	D340404 D01 208	D760101 D01 217	D340202 D01 61	
D340101	YTB015092	BÙI THỊ NĂM	89	1	D01	5,5	5,25	6,25	18	D340101 D01 79	D340301 D01 312	D340404 D01 208	D340202 D01 61	
D340101	THV004219	TRẦN MAI HẬU	90	1	D01	5	6	5,5	18	D340101 D01 79	D340301 D01 312			
D340101	HDT012378	TRỊNH THỊ HƯƠNG	91	1	D01	4	7	6,5	18	D340101 D01 79	D340301 D01 312	D760101 D01 217		
D340101	THV013356	TẠ THỦY TIÊN	92	1	D01	4	6,5	6	18	D340101 D01 79	D340301 D01 312	D760101 D01 217		
D340101	HDT000319	ĐÌNH THỊ PHƯƠNG ANH	93	1	D01	3,75	7,25	6,5	18	D340101 D01 79	D340404 D01 208	D340301 D01 312	D340202 D01 61	
D340101	DCN007456	TRẦN BÌNH MINH	94	1	D01	3	6	6,5	18	D340101 D01 79	D340301 D01 312	D340202 D01 61	D340404 D01 208	

Điểm trúng tuyển tạm thời vào ngành QTKD										A00	A01	D1		
														15.00
Tổng số thí sinh trúng tuyển tạm thời vào ngành QTKD												400		
Tổng chỉ tiêu xét tuyển của ngành QTKD												400		
Tên ngành	Số Báo danh	Họ và tên thí sinh	Xếp hạng	UT	To hợp môn	M1	M2	M3	Tong	Ngành ĐK nguyện vọng ưu tiên				GhichuM2
										UT1	UT2	UT3	UT4	
D340101	SPH009641	LÊ VI LINH	95	1	A01	7,25	6,5	3,5	17,75	D340101 A01 94	D340404 A01 244	D760101 A01 239	D340301 A01 375	
D340101	DCN012381	NGUYỄN ANH TÚ	96	1	A01	6,75	5,5	5	17,75	D340101 A01 94				
D340101	TLA007915	NGUYỄN HẢI LINH	97	1	A00	6	6,25	5,5	17,75	D340101 A00 94	D340301 A00 375	D340404 A00 244	D340202 A00 70	
D340101	SPH012975	NGUYỄN THỊ NHI	98	1	A00	6	5	6,25	17,75	D340101 A00 94	D340404 A00 244	D340301 A00 375		
D340101	HDT015054	ĐOÀN THỊ LOAN	99	1	A00	6	5	5,25	17,75	D340101 A00 94	D340301 A00 375			
D340101	HDT024239	DƯƠNG THỊ HỒNG THƠM	100	1	D01	5,75	6,25	4,25	17,75	D340101 D01 94	D340301 D01 375			
D340101	TQU001812	ĐÀO NGỌC HIẾU	101	1	A00	5	5,25	6	17,75	D340101 A00 94	D340301 A00 375	D340404 A00 244	D340202 A00 70	
D340101	HHA000661	NGUYỄN THỊ QUỲNH ANH	102	1	D01	4,75	7	5,5	17,75	D340101 D01 94	D340404 D01 244	D340202 D01 70		
D340101	DCN004163	ĐỖ THỊ KHÁNH HÒA	103	1	D01	4,5	7,5	4,75	17,75	D340101 D01 94	D340301 D01 375	D340202 D01 70	D340404 D01 244	
D340101	TLA010565	PHẠM HỒNG NHUNG	104	1	D01	4,5	7	6,25	17,75	D340101 D01 94	D340404 D01 244	D340301 D01 375	D760101 D01 239	
D340101	YTB011496	TRẦN THỊ KHUYỀN	105	1	A00	4,5	6,75	5,5	17,75	D340101 A00 94	D340404 A00 244	D340202 A00 70	D760101 A00 239	
D340101	TDV030119	HOÀNG THU THUỶ	106	1	A00	4,25	6,5	6,5	17,75	D340101 A00 94				
D340101	THV000499	NGUYỄN THỊ VÂN ANH	107	1	D01	4,25	6,5	5,5	17,75	D340101 D01 94	D340404 D01 244			
D340101	YTB010958	VŨ THỊ MAI HƯƠNG	108	1	D01	4	6,25	6,5	17,75	D340101 D01 94	D340404 D01 244	D340301 D01 375	D340202 D01 70	
D340101	HDT022982	NGUYỄN THỊ THANH HOÀI	109	1	D01	3,75	6,75	5,75	17,75	D340101 D01 94	D340301 D01 375	D340404 D01 244		

Điểm trúng tuyển tạm thời vào ngành QTKD										A00	A01	D1		
										15.00	15.0	15.0		
Tổng số thí sinh trúng tuyển tạm thời vào ngành QTKD												400		
Tổng chỉ tiêu xét tuyển của ngành QTKD												400		
Tên ngành	Số Báo danh	Họ và tên thí sinh	Xếp hạng	UT	To hợp môn	M1	M2	M3	Tong	Ngành ĐK nguyện vọng ưu tiên				GhichuM2
										UT1	UT2	UT3	UT4	
D340101	KQH004657	TRẦN THÚY HIỀN	110	1	D01	3,75	6,25	6,75	17,75	D340101 D01 94	D340404 D01 244	D340301 D01 375	D340202 D01 70	
D340101	THV004154	TRẦN THU HẰNG	111	1	D01	3,25	7,75	5,25	17,75	D340101 D01 94	D340301 A00 375			
D340101	THV005914	PHẠM THỊ THANH HUYỀN	112	1	A01	6,25	6	3,75	17,5	D340101 A01 111	D340404 A01 285	D340301 A01 442	D760101 A01 265	
D340101	HVN003960	TRỊNH THỊ HÒA	113	1	A00	6	6	4,5	17,5	D340101 A00 111	D340404 A00 285	D340301 A00 442		
D340101	TDV023977	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	114	1	A00	6	5,75	4,75	17,5	D340101 A00 111	D340404 A00 285	D340301 A00 442	D340202 A00 79	
D340101	BKA014384	VŨ VĂN TUẤN	115	1	A00	6	4,75	5,75	17,5	D340101 A00 111	D340301 A00 442	D340404 A00 285	D340202 A00 79	
D340101	HVN010424	NGUYỄN THỊ THÚY	116	1	A00	6	4,5	6,5	17,5	D340101 A00 111	D340301 A00 442	D340202 A00 79	D340404 A00 285	
D340101	HDT012684	MAI QUỐC KHÁNH	117	1	A00	6	4,5	5,5	17,5	D340101 A00 111	D340404 A00 285	D340202 A00 79		
D340101	TQU005768	ĐÌNH THỊ HUYỀN TRANG	118	1	A00	5,5	6	4,5	17,5	D340101 A00 111	D340404 A00 285	D340301 A00 442		
D340101	TND014091	ĐÀO VŨ HOÀI LINH	119	1	D01	5,25	6,5	5,25	17,5	D340101 D01 111	D760101 D01 265	D340404 D01 285	D340301 D01 442	
D340101	TLA014735	NGUYỄN ANH TÚ	120	1	D01	5	7	5,5	17,5	D340101 D01 111	D340404 D01 285	D760101 D01 265	D340301 D01 442	
D340101	DCN001451	NGHIÊM THỊ HỒNG CÚC	121	1	D01	5	5,75	6,25	17,5	D340101 D01 111	D760101 D01 265	D340202 D01 79	D340301 D01 442	
D340101	HVN009198	NGUYỄN THỊ TÂM	122	1	A00	5	5,75	5,75	17,5	D340101 A00 111	D760101 A00 265	D340301 A00 442	D340404 A00 285	
D340101	BKA008457	TRẦN NGỌC MAI	123	1	D01	4,75	6,5	5,75	17,5	D340101 D01 111	D340404 D01 285	D340301 D01 442	D760101 D01 265	
D340101	HDT001712	VŨ THỊ PHƯƠNG ANH	124	1	D01	4,75	6,5	5,25	17,5	D340101 D01 111				

Điểm trúng tuyển tạm thời vào ngành QTKD										A00	A01	D1		
										15.00	15.0	15.0		
Tổng số thí sinh trúng tuyển tạm thời vào ngành QTKD												400		
Tổng chỉ tiêu xét tuyển của ngành QTKD												400		
Tên ngành	Số Báo danh	Họ và tên thí sinh	Xếp hạng	UT	To hợp môn	M1	M2	M3	Tong	Ngành ĐK nguyện vọng ưu tiên				GhichuM2
										UT1	UT2	UT3	UT4	
D340101	KQH000146	ĐÀO PHƯƠNG ANH	125	1	D01	4,5	6	6,5	17,5	D340101 D01 111	D340301 D01 442	D340404 D01 285	D340202 D01 79	
D340101	THV013269	HỒ THỊ THƯƠNG THƯƠNG	126	1	A00	4,5	5,25	6,25	17,5	D340101 A00 111				
D340101	BKA007296	BÙI KHÁNH LINH	127	1	D01	4,25	8,25	5	17,5	D340101 D01 111	D340404 D01 285	D340202 D01 79	D760101 D01 265	
D340101	DCN003067	NGUYỄN HỒNG HẢI	128	1	D01	4,25	6,5	6,25	17,5	D340101 D01 111	D340404 D01 285			
D340101	LNH006251	XA THỊ MY	129	1	A00	4	6,25	3,75	17,5	D340101 A00 111	D340404 A00 285			
D340101	BKA001619	TRẦN VĂN CHIẾN	130	1	D01	3,75	7	5,75	17,5	D340101 D01 111	D340404 D01 285			
D340101	HVN004598	HOÀNG THỊ MINH HUYỀN	131	1	D01	3,5	7	6	17,5	D340101 D01 111	D340404 D01 285			
D340101	TND017872	ĐỖ THỊ BÍCH NGỌC	132	1	D01	3,5	5,25	7,25	17,5	D340101 D01 111	D340404 D01 285	D340202 D01 79		
D340101	HDT002551	NGUYỄN THỊ MAI CHI	133	1	D01	3,25	6,75	4	17,5	D340101 D01 111	D340202 D01 79	D760101 D01 265	D340404 D01 285	
D340101	KQH007352	HOÀNG THỊ LAN	134	1	D01	2,5	7,25	6,75	17,5	D340101 D01 111	D760101 D01 265	D340301 D01 442	D340404 D01 285	
D340101	TLA014428	NGUYỄN VIỆT TRINH	135	1	A01	6,25	6	5	17,25	D340101 A01 134	D340301 A01 487	D340404 A01 319		
D340101	THV008286	NGUYỄN HƯƠNG LY	136	1	A01	5,25	6,5	4	17,25	D340101 A01 134	D340404 A01 319	D340301 A01 487	D340202 A01 90	
D340101	YTB000975	NGUYỄN TRUNG ANH	137	1	D01	5,25	5,5	6	17,25	D340101 D01 134	D340404 D01 319	D760101 D01 287	D340301 D01 487	
D340101	BKA000471	NGUYỄN HOÀNG ANH	138	1	A00	5	6	6,25	17,25	D340101 A00 134	D340202 A00 90	D340404 A00 319		
D340101	THV013180	TRẦN THỊ MINH THÚY	139	1	A00	4,75	6,75	4,25	17,25	D340101 A00 134	D340404 A00 319	D340301 A00 487	D340202 A00 90	

Điểm trúng tuyển tạm thời vào ngành QTKD										A00	A01	D1		
										15.00	15.0	15.0		
Tổng số thí sinh trúng tuyển tạm thời vào ngành QTKD												400		
Tổng chỉ tiêu xét tuyển của ngành QTKD												400		
Tên ngành	Số Báo danh	Họ và tên thí sinh	Xếp hạng	UT	To hợp môn	M1	M2	M3	Tong	Ngành ĐK nguyện vọng ưu tiên				GhichuM2
										UT1	UT2	UT3	UT4	
D340101	SPH018607	NGUYỄN MẠNH TUẤN	140	1	D01	4,5	6,5	6,25	17,25	D340101 D01 134				
D340101	LNH000755	TRỊNH VĂN BẮC	141	1	A00	4,5	4,5	4,75	17,25	D340101 A00 134	D340301 A00 487			
D340101	SPH019910	VŨ THỊ HẢI YẾN	142	1	D01	4,25	8	4	17,25	D340101 D01 134	D340301 D01 487			
D340101	SPH004264	NGHIÊM MINH ĐỨC	143	1	D01	4,25	7,5	5,5	17,25	D340101 D01 134	D340404 D01 319	D340202 D01 90	D760101 D01 287	
D340101	BKA011535	ĐÀO NGUYỄN TÂN	144	1	D01	4,25	6,5	6,5	17,25	D340101 D01 134	D340301 D01 487	D340404 D01 319		
D340101	DCN005038	NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN	145	1	D01	3,5	7	6,25	17,25	D340101 D01 134	D340404 D01 319	D340301 D01 487		
D340101	KHA010643	VŨ THỊ NGỌC TRÂM	146	1	D01	3,5	6	6,75	17,25	D340101 D01 134	D340202 D01 90	D340404 D01 319	D340301 D01 487	
D340101	YTB002249	LÊ THỊ CHI	147	1	D01	2	8,25	6	17,25	D340101 D01 134	D340301 D01 487	D340202 D01 90	D760101 C00 162	
D340101	KHA003462	TRẦN THỊ HIỀN	148	1	A00	6,25	6,5	3,75	17	D340101 A00 147	D340404 A00 365			
D340101	TLA007666	ĐỖ THỊ MỸ LINH	149	1	A00	6,25	5,5	4,75	17	D340101 A00 147	D340404 A00 365	D340301 A00 548		
D340101	SPH011948	NGUYỄN PHƯƠNG NAM	150	1	D01	6	6,5	4,5	17	D340101 D01 147	D340404 D01 365			
D340101	SPH005112	ĐỖ TRUNG HẢI	151	1	D01	6	5,5	5,5	17	D340101 D01 147	D340404 D01 365	D760101 D01 310	D340301 D01 548	
D340101	TTB001226	NGUYỄN ANH DŨNG	152	1	A00	5,75	5,5	4,25	17	D340101 A00 147	D340404 A00 365	D340202 A00 100		
D340101	HDT004819	LÊ HUY DƯƠNG	153	1	A00	5,5	4,75	6,25	17	D340101 A00 147	D340404 A00 365	D340202 A00 100	D340301 A00 548	
D340101	DCN004282	NGUYỄN THỊ HOÀN	154	1	A01	5,25	6,5	4,75	17	D340101 A01 147	D340404 A01 365	D760101 A01 310	D340202 A01 100	

Điểm trúng tuyển tạm thời vào ngành QTKD										A00	A01	D1		
										15.00	15.0	15.0		
Tổng số thí sinh trúng tuyển tạm thời vào ngành QTKD												400		
Tổng chỉ tiêu xét tuyển của ngành QTKD												400		
Tên ngành	Số Báo danh	Họ và tên thí sinh	Xếp hạng	UT	To hợp môn	M1	M2	M3	Tong	Ngành ĐK nguyện vọng ưu tiên				GhichuM2
										UT1	UT2	UT3	UT4	
D340101	DCN006826	TẠ MẠNH LONG	155	1	D01	5,25	6	5,25	17	D340101 D01 147	D340301 D01 548	D760101 D01 310	D340404 D01 365	
D340101	TND019924	NGUYỄN MAI PHƯƠNG	156	1	A01	5,25	5,5	4,75	17	D340101 A01 147	D340404 A01 365	D340301 A01 548		
D340101	HVN008970	BÙI HỒNG SƠN	157	1	D01	4,75	6,25	6	17	D340101 D01 147	D340301 D01 548	D340404 D01 365	D340202 D01 100	
D340101	THP010371	NGUYỄN LINH NGỌC	158	1	A00	4,75	5,5	5,75	17	D340101 A00 147	D340404 A00 365	D340301 A00 548		
D340101	HDT023080	ĐÌNH PHƯƠNG THẢO	159	1	D01	4,5	7	5	17	D340101 D01 147	D340202 D01 100	D340301 D01 548	D760101 D01 310	
D340101	TLA012240	PHẠM THỊ THANH	160	1	D01	4,5	5	6,5	17	D340101 D01 147	D340404 D01 365	D340202 D01 100		
D340101	THV010236	NGUYỄN MẠNH PHONG	161	1	A00	4	5,75	5,75	17	D340101 A00 147	D340404 A00 365	D340301 A00 548	D760101 A00 310	
D340101	DCN005039	NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN	162	1	D01	3,75	7,25	5,5	17	D340101 D01 147	D340301 D01 548	D340404 D01 365		
D340101	SPH018168	PHẠM MINH TRUNG	163	1	D01	3,75	7	6,25	17	D340101 D01 147	D340404 D01 365	D760101 D01 310	D340202 D01 100	
D340101	SPH018532	LÊ QUANG TUẤN	164	1	D01	3,5	7	6,5	17	D340101 D01 147	D340404 D01 365	D340301 D01 548		
D340101	DCN004264	TẠ THỊ HOAN	165	1	D01	3,5	6	7	17	D340101 D01 147	D340404 D01 365	D760101 D01 310	D340301 D01 548	
D340101	TLA005837	NGUYỄN THU HUỆ	166	1	D01	3	7	6	17	D340101 D01 147	D340301 D01 548	D340404 D01 365	D760101 D01 310	
D340101	TND010742	LÀNH QUANG HUY	167	1	D01	3	6	4,5	17	D340101 D01 147	D340404 D01 365			
D340101	HDT005793	ĐẶNG NGỌC ĐỨC	168	1	A00	3	5,5	7	17	D340101 A00 147	D340404 A00 365	D340301 A00 548	D340202 A00 100	
D340101	HDT001711	VŨ THỊ NGỌC ANH	169	1	D01	2,75	6,75	6	17	D340101 D01 147	D340301 D01 548	D340404 D01 365	D760101 D01 310	

Điểm trúng tuyển tạm thời vào ngành QTKD										A00	A01	D1		
										15.00	15.0	15.0		
Tổng số thí sinh trúng tuyển tạm thời vào ngành QTKD												400		
Tổng chỉ tiêu xét tuyển của ngành QTKD												400		
Tên ngành	Số Báo danh	Họ và tên thí sinh	Xếp hạng	UT	To hợp môn	M1	M2	M3	Tong	Ngành ĐK nguyện vọng ưu tiên				GhichuM2
										UT1	UT2	UT3	UT4	
D340101	HHA003971	VŨ THỊ THU HÀ	170	1	D01	6,75	6,75	2,75	16,75	D340101 D01 169				
D340101	SPH010362	ĐỖ LÊ PHI LONG	171	1	A01	6,75	5,5	4,5	16,75	D340101 A01 169	D340404 A01 418	D340301 A01 612		
D340101	SPH003607	LƯU THẾ DƯƠNG	172	1	A00	6,5	4,75	5,5	16,75	D340101 A00 169	D340404 A00 418	D340301 A00 612	D340202 A00 109	
D340101	TDV016144	TRẦN QUỲNH LIÊN	173	1	A00	6,5	4	4,75	16,75	D340101 A00 169	D340404 A00 418	D340301 A00 612	D760101 A00 332	
D340101	HDT011244	BÙI THỊ HUYỀN	174	1	A01	6	6	3,25	16,75	D340101 A01 169				
D340101	TLA005333	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG HOA	175	1	A00	6	4,75	5,5	16,75	D340101 A00 169	D340404 A00 418	D340202 A00 109	D340301 A00 612	
D340101	BKA002137	TRẦN MỸ DUNG	176	1	A00	5,75	5,75	5,25	16,75	D340101 A00 169	D340404 A00 418	D340301 A00 612	D760101 A00 332	
D340101	KQH012481	THÁI DUY THÀNH	177	1	A00	5,75	5,25	5,25	16,75	D340101 A00 169	D340404 A00 418	D760101 A00 332	D340301 A00 612	
D340101	TLA004948	ĐỖ TUẤN HIỆP	178	1	D01	5,75	4,75	6,25	16,75	D340101 D01 169	D340404 D01 418	D340301 D01 612	D760101 D01 332	
D340101	HHA002552	NGUYỄN THỊ MỸ DUYÊN	179	1	A01	5,5	6,5	4,25	16,75	D340101 A01 169	D340404 A01 418	D340301 A01 612	D340202 A01 109	
D340101	TLA010920	ĐẬU THỊ THẢO PHƯƠNG	180	1	A00	5,5	6,25	5	16,75	D340101 A00 169	D340404 A00 418	D760101 A00 332	D340202 A00 109	
D340101	SPH006310	NGUYỄN MINH HIẾU	181	1	A01	5,25	6,75	4,75	16,75	D340101 A01 169	D340404 A01 418	D340301 A01 612	D760101 A01 332	
D340101	YTB021285	ĐỖ THỊ THÚY	182	1	A00	5,25	6,75	3,75	16,75	D340101 A00 169	D340301 A00 612	D340404 A00 418	D340202 A00 109	
D340101	THV006939	NGUYỄN THỊ MAI LAN	183	1	A01	5,25	5,75	4,25	16,75	D340101 A01 169	D340301 A01 612	D340404 A01 418	D760101 A01 332	
D340101	SPK006523	PHAN THỊ KHÁNH LINH	184	1	D01	4,75	6,5	5,5	16,75	D340101 D01 169	D340404 D01 418	D340301 D01 612		

Điểm trúng tuyển tạm thời vào ngành QTKD										A00	A01	D1		
										15.00	15.0	15.0		
Tổng số thí sinh trúng tuyển tạm thời vào ngành QTKD												400		
Tổng chỉ tiêu xét tuyển của ngành QTKD												400		
Tên ngành	Số Báo danh	Họ và tên thí sinh	Xếp hạng	UT	To hợp môn	M1	M2	M3	Tong	Ngành ĐK nguyện vọng ưu tiên				GhichuM2
										UT1	UT2	UT3	UT4	
D340101	HHA010629	PHẠM THỊ NHUNG	185	1	D01	4,75	5,75	5,75	16,75	D340101 D01 169	D340301 D01 612	D340404 D01 418		
D340101	HDT025563	NGUYỄN THỊ THƯƠNG	186	1	A00	4,5	5,5	5,75	16,75	D340101 A00 169	D340301 A00 612			
D340101	TDV022820	ĐẬU THỊ OANH	187	1	A00	4,5	5,5	5,25	16,75	D340101 A00 169	D760101 A00 332			
D340101	DCN003674	ĐÌNH THANH HIỀN	188	1	D01	4	7	5,25	16,75	D340101 D01 169				
D340101	HDT021755	NGUYỄN HOÀNG SƠN	189	1	A01	4	6,5	5,75	16,75	D340101 A01 169	D340301 A01 612			
D340101	SPH001726	ĐÌNH THỊ NGỌC ÁNH	190	1	D01	3,75	7	5,5	16,75	D340101 D01 169	D340301 D01 612			
D340101	HHA007943	LÊ THÙY LINH	191	1	D01	3,5	7,5	5,25	16,75	D340101 D01 169	D340301 D01 612	D340404 D01 418		
D340101	HHA014854	VŨ LÊ THU TRANG	192	1	D01	3,5	6,75	6	16,75	D340101 D01 169	D340404 D01 418	D340301 D01 612		
D340101	THV003356	TRẦN ĐỨC GIANG	193	1	D01	3,5	6	6,75	16,75	D340101 D01 169	D340301 D01 612			
D340101	YTB019770	NGUYỄN THỊ HƯƠNG THẢO	194	1	D01	3	6,75	6	16,75	D340101 D01 169	D340301 D01 612	D340202 D01 109	D340404 D01 418	
D340101	HDT029512	LÊ THỊ THUỶ VÂN	195	1	D01	3	6,75	6	16,75	D340101 D01 169	D340404 D01 418	D340301 D01 612	D340202 D01 109	
D340101	TND008912	DUƠNG THỊ HÒA	196	1	D01	3	6,5	6,75	16,75	D340101 D01 169	D340404 D01 418	D760101 D01 332	D340202 D01 109	
D340101	KHA001260	PHẠM THỊ TUYẾT CHINH	197	1	D01	2,75	6,5	7	16,75	D340101 D01 169	D340301 D01 612	D340404 D01 418		
D340101	TLA004303	NGUYỄN MẠNH HẢI	198	1	D01	7,75	7	1,75	16,5	D340101 D01 197	D340301 D01 666	D340404 D01 461	D760101 D01 357	
D340101	LNH009583	NGUYỄN PHƯỢNG TOÀN	199	1	A00	7,25	4,5	4,75	16,5	D340101 A00 197				

Điểm trúng tuyển tạm thời vào ngành QTKD										A00	A01	D1		
										15.00	15.0	15.0		
Tổng số thí sinh trúng tuyển tạm thời vào ngành QTKD												400		
Tổng chỉ tiêu xét tuyển của ngành QTKD												400		
Tên ngành	Số Báo danh	Họ và tên thí sinh	Xếp hạng	UT	To hợp môn	M1	M2	M3	Tong	Ngành ĐK nguyện vọng ưu tiên				GhichuM2
										UT1	UT2	UT3	UT4	
D340101	HDT007098	BÙI VIỆT HẢI	200	1	A00	7	4	4,5	16,5	D340101 A00 197	D340404 A00 461			
D340101	DCN000360	NGUYỄN NGỌC QUỲNH ANH	201	1	A00	6	6,5	3,5	16,5	D340101 A00 197	D340404 A00 461	D340301 A00 666	D760101 A00 357	
D340101	KQH005476	ĐỖ MINH HOẠT	202	1	A00	5,75	6,5	3,75	16,5	D340101 A00 197				
D340101	DCN000784	ĐÌNH THỊ NGỌC ÁNH	203	1	D01	5,5	6,5	4	16,5	D340101 D01 197	D340301 D01 666	D340404 D01 461	D760101 D01 357	
D340101	HHA000296	HOÀNG THỊ NGỌC ANH	204	1	A01	5,25	6,75	4	16,5	D340101 A01 197	D340301 A01 666			
D340101	TLA004205	TRẦN THỊ THU HÀ	205	1	D01	5,25	6,5	4,75	16,5	D340101 D01 197	D340301 D01 666	D340202 D01 118		
D340101	DCN004329	NGUYỄN HUY HOÀNG	206	1	A00	5,25	6,5	4,25	16,5	D340101 A00 197	D340404 A00 461	D340301 A00 666	D340202 A00 118	
D340101	KHA001345	NGUYỄN VĂN CÔNG	207	1	A00	5	5,5	5,5	16,5	D340101 A00 197	D340404 A00 461	D340301 A00 666	D340202 A00 118	
D340101	SPH004688	VŨ HƯƠNG GIANG	208	1	D01	5	5	6,5	16,5	D340101 D01 197	D340301 D01 666			
D340101	HDT026742	NGUYỄN THỊ HÀ TRANG	209	1	D01	4,75	7,25	4	16,5	D340101 D01 197	D340301 D01 666	D760101 D01 357		
D340101	DCN003020	LÊ VĂN HAI	210	1	A00	4,75	6,75	4,5	16,5	D340101 A00 197	D340301 A00 666	D340404 A00 461	D760101 A00 357	
D340101	HDT023457	TRỊNH THỊ THẢO	211	1	D01	4,75	6,25	5	16,5	D340101 D01 197	D340301 D01 666	D760101 D01 357	D340404 D01 461	
D340101	SPH009781	NGUYỄN KHÁNH LINH	212	1	D01	4,75	6	5,75	16,5	D340101 D01 197	D340404 D01 461			
D340101	YTB011894	PHẠM THỊ LAN	213	1	D01	4,5	8	3	16,5	D340101 D01 197	D340404 D01 461	D340202 D01 118	D340301 D01 666	
D340101	HVN009717	VŨ THỊ THẢO	214	1	D01	4,5	6	6	16,5	D340101 D01 197	D760101 D01 357	D340404 D01 461	D340301 D01 666	

Điểm trúng tuyển tạm thời vào ngành QTKD										A00	A01	D1		
										15.00	15.0	15.0		
Tổng số thí sinh trúng tuyển tạm thời vào ngành QTKD												400		
Tổng chỉ tiêu xét tuyển của ngành QTKD												400		
Tên ngành	Số Báo danh	Họ và tên thí sinh	Xếp hạng	UT	To hợp môn	M1	M2	M3	Tong	Ngành ĐK nguyện vọng ưu tiên				GhichuM2
										UT1	UT2	UT3	UT4	
D340101	DCN000409	NGUYỄN THỊ HỒNG ANH	215	1	D01	4,25	7,5	4,25	16,5	D340101 D01 197	D340404 D01 461	D340301 D01 666	D340202 D01 118	
D340101	TLA000182	ĐỖ CHÍ VIỆT ANH	216	1	D01	4,25	6,5	5,75	16,5	D340101 D01 197	D760101 D01 357	D340404 D01 461	D340202 D01 118	
D340101	HVN012138	NGUYỄN THỊ HỒNG VÂN	217	1	D01	4	7,5	4	16,5	D340101 D01 197	D340404 D01 461	D340202 D01 118	D340301 D01 666	
D340101	TLA012586	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	218	2	D01	3,75	6,25	5,5	16,5	D340301 D01 666	D340101 D01 197			
D340101	THV004897	LÊ THỊ THU HOÀI	219	1	D01	3,75	6	5,25	16,5	D340101 D01 197	D760101 D01 357	D340301 D01 666		
D340101	HHA000544	NGUYỄN PHƯƠNG ANH	220	1	D01	3,75	6	5,25	16,5	D340101 D01 197	D340301 D01 666	D340202 D01 118		
D340101	HDT018629	BÙI THỊ HỒNG NHUNG	221	2	D01	3,5	7,5	4	16,5	D340301 D01 666	D340101 D01 197	D340404 D01 461		
D340101	TLA002630	NGUYỄN HOÀNG DŨNG	222	1	D01	3,5	6	7	16,5	D340101 D01 197	D340404 D01 461	D340301 D01 666		
D340101	TLA012704	VŨ PHƯƠNG THẢO	223	2	A00	3,5	6	6,5	16,5	D340301 A00 666	D340101 A00 197	D340404 A00 461		
D340101	THV007043	NGUYỄN TÙNG LÂM	224	1	A00	3,5	5	7	16,5	D340101 A00 197	D340301 A00 666	D340404 A00 461	D760101 A00 357	
D340101	BKA015221	ĐOÀN THỊ YÊN	225	1	D01	3,25	7	5,25	16,5	D340101 D01 197	D340404 D01 461	D340301 D01 666	D340202 D01 118	
D340101	HDT029061	LÊ THỊ TUYẾT	226	2	D01	3,25	5,5	6,75	16,5	D340301 D01 666	D340101 D01 197	D760101 D01 357		
D340101	SPH000229	ĐỖ THỊ LAN ANH	227	1	D01	3	7,5	5,5	16,5	D340101 D01 197	D340404 D01 461	D340301 D01 666	D760101 D01 357	
D340101	DCN000625	PHÙNG LAN ANH	228	2	D01	2,75	6,75	6,5	16,5	D340301 D01 666	D340101 D01 197	D340404 D01 461		
D340101	YTB010140	NGUYỄN THỊ THU HUYỀN	229	2	D01	2,75	5,5	7,25	16,5	D340301 D01 666	D340101 D01 197	D760101 D01 357	D340404 D01 461	

Điểm trúng tuyển tạm thời vào ngành QTKD										A00	A01	D1		
										15.00	15.0	15.0		
Tổng số thí sinh trúng tuyển tạm thời vào ngành QTKD												400		
Tổng chỉ tiêu xét tuyển của ngành QTKD												400		
Tên ngành	Số Báo danh	Họ và tên thí sinh	Xếp hạng	UT	To hợp môn	M1	M2	M3	Tong	Ngành ĐK nguyện vọng ưu tiên				GhichuM2
										UT1	UT2	UT3	UT4	
D340101	KQH014823	VŨ THỊ TRANG	230	1	D01	2,25	6,75	6,5	16,5	D340101 D01 197	D340202 D01 118	D340404 D01 461	D760101 D01 357	
D340101	HHA000396	LẠI VŨ NGỌC ANH	231	2	D01	2,25	6,5	7,25	16,5	D340301 D01 666	D340101 D01 197	D340404 D01 461	D760101 D01 357	
D340101	HHA014289	NGUYỄN HỮU TOÀN	232	1	A00	6,5	5,75	4	16,25	D340101 A00 231				
D340101	SPH017704	NGUYỄN THÙY TRANG	233	1	D01	6,25	6	4	16,25	D340101 D01 231	D340404 D01 495	D340301 D01 715	D340202 D01 130	
D340101	YTB010184	PHẠM THỊ HUYỀN	234	2	A00	6	3,75	5,5	16,25	D340301 A00 715	D340101 A00 231			
D340101	KHA008053	PHÙNG MINH PHƯƠNG	235	1	D01	5,75	5,5	4,5	16,25	D340101 D01 231	D340404 D01 495	D340301 D01 715	D340202 D01 130	
D340101	DCN004256	KHƯƠNG XUÂN HOAN	236	1	A00	5,5	5,25	4,5	16,25	D340101 A00 231	D340404 A00 495	D340301 A00 715	D340202 A00 130	
D340101	LNH002526	NGUYỄN THỊ HÀ	237	1	A00	5,5	4,75	5,5	16,25	D340101 A00 231	D340301 A00 715			
D340101	TLA011088	PHẠM THU PHƯƠNG	238	2	D01	5,25	7,25	3,75	16,25	D340301 D01 715	D340101 D01 231	D760101 D01 385	D340404 D01 495	
D340101	KQH000312	NGÔ THỊ PHÚC ANH	239	1	D01	5,25	5	5,5	16,25	D340101 D01 231	D340404 D01 495	D340301 D01 715		
D340101	SPH010653	NGUYỄN THỊ LUÂN	240	1	D01	5	8	3,25	16,25	D340101 D01 231	D340404 D01 495	D340202 D01 130		
D340101	BKA014651	NGUYỄN THỊ NGỌC TUYẾT	241	1	D01	5	7,25	3,5	16,25	D340101 D01 231	D340301 D01 715			
D340101	DCN005935	PHẠM THỊ LAN	242	2	D01	5	6	4,75	16,25	D340301 D01 715	D340101 D01 231			
D340101	KQH012647	NGUYỄN THỊ THẠCH THẢO	243	2	D01	4,75	6,25	4,75	16,25	D340301 D01 715	D340101 D01 231			
D340101	TLA012670	TRẦN PHƯƠNG THẢO	244	2	D01	4,75	5,75	4,75	16,25	D340301 D01 715	D340101 D01 231	D340404 D01 495		

Điểm trúng tuyển tạm thời vào ngành QTKD										A00	A01	D1		
										15.00	15.0	15.0		
Tổng số thí sinh trúng tuyển tạm thời vào ngành QTKD												400		
Tổng chỉ tiêu xét tuyển của ngành QTKD												400		
Tên ngành	Số Báo danh	Họ và tên thí sinh	Xếp hạng	UT	To hợp môn	M1	M2	M3	Tong	Ngành ĐK nguyện vọng ưu tiên				GhichuM2
										UT1	UT2	UT3	UT4	
D340101	DCN010165	BÙI THANH THẢO	245	1	D01	4,75	5,5	5,5	16,25	D340101 D01 231	D340301 D01 715	D340404 D01 495	D760101 D01 385	
D340101	DCN005399	NGUYỄN THANH HƯƠNG	246	2	D01	4,75	5,5	5,5	16,25	D340301 D01 715	D340101 D01 231	D760101 D01 385	D340404 D01 495	
D340101	HDT019885	NGUYỄN HIỀN PHƯƠNG	247	2	D01	4,5	7,5	3,75	16,25	D340301 D01 715	D340101 D01 231	D340404 D01 495	D760101 D01 385	
D340101	THP003891	NGUYỄN THU HÀ	248	1	D01	4,5	7	3,75	16,25	D340101 D01 231	D340404 D01 495	D760101 D01 385	D340202 D01 130	
D340101	SPH017850	TRƯƠNG QUỲNH TRANG	249	2	A00	4,5	5,25	5,5	16,25	D340301 A00 715	D340101 A00 231	D340404 A00 495	D340202 A00 130	
D340101	YTB014588	PHÙNG QUANG MINH	250	1	A00	4,5	5,25	5,5	16,25	D340101 A00 231	D340301 A00 715	D760101 A00 385	D340404 A00 495	
D340101	TND009157	NGUYỄN THỊ HOÀI	251	1	A00	4,5	5	5,25	16,25	D340101 A00 231	D340301 A00 715			
D340101	HVN000515	NGUYỄN THỊ THU ANH	252	1	D01	4,25	6,75	5,25	16,25	D340101 D01 231	D340301 D01 715			
D340101	HVN010053	NGUYỄN THỊ NGÁT THƠM	253	1	D01	4,25	6,5	4,5	16,25	D340101 D01 231	D340404 D01 495	D340202 D01 130		
D340101	YTB019680	HÀ PHƯƠNG THẢO	254	2	D01	4,25	6,25	5,25	16,25	D340301 D01 715	D340101 D01 231			
D340101	KQH004063	TRẦN THỊ HẠNH	255	1	D01	4,25	6	5,5	16,25	D340101 D01 231	D340404 D01 495	D340301 D01 715		
D340101	DCN008978	TÔ THỊ HỒNG PHƯƠNG	256	2	D01	4,25	6	5,5	16,25	D340301 D01 715	D340101 D01 231	D340404 D01 495		
D340101	DCN003689	LÊ THỊ THANH HIỀN	257	2	D01	4,25	6	5,5	16,25	D340301 D01 715	D340101 D01 231	D760101 D01 385	D340404 D01 495	
D340101	SPH018275	VŨ TIỀN TRƯỜNG	258	1	A00	4	6,5	5,25	16,25	D340101 A00 231	D340404 A00 495	D340301 A00 715	D760101 A00 385	
D340101	TND006502	TRỊNH THÚY HÀ	259	2	A00	4	5,25	6	16,25	D340301 A00 715	D340101 A00 231	D340202 A00 130	D760101 A00 385	

Điểm trúng tuyển tạm thời vào ngành QTKD										A00	A01	D1		
										15.00	15.0	15.0		
Tổng số thí sinh trúng tuyển tạm thời vào ngành QTKD												400		
Tổng chỉ tiêu xét tuyển của ngành QTKD												400		
Tên ngành	Số Báo danh	Họ và tên thí sinh	Xếp hạng	UT	To hợp môn	M1	M2	M3	Tong	Ngành ĐK nguyện vọng ưu tiên				GhichuM2
										UT1	UT2	UT3	UT4	
D340101	TLA012896	TRIỆU QUANG THẮNG	260	1	D01	3,75	6,25	6,25	16,25	D340101 D01 231	D340202 D01 130	D760101 D01 385		
D340101	KQH010980	PHẠM MAI PHƯƠNG	261	1	D01	3,75	5,5	6,5	16,25	D340101 D01 231	D340404 D01 495			
D340101	YTB004156	PHAN THỊ THÙY DUYÊN	262	2	D01	3,75	5,5	6	16,25	D340301 D01 715	D340101 D01 231			
D340101	TQU000231	TRẦN THỊ LAN ANH	263	1	D01	3,5	8	3,25	16,25	D340101 D01 231	D340202 D01 130	D760101 C00 7		
D340101	HDT023159	LÊ THỊ THANH THẢO	264	2	D01	3,5	7	4,75	16,25	D340301 D01 715	D340101 D01 231	D340404 D01 495	D340202 D01 130	
D340101	KQH016049	NGUYỄN CẨM VÂN	265	1	D01	3,25	7,5	5	16,25	D340101 D01 231	D340404 D01 495	D340301 D01 715	D760101 D01 385	
D340101	TDV015591	HOÀNG THỊ LAN	266	2	D01	3,25	7	5	16,25	D340301 D01 715	D340101 D01 231	D340404 D01 495	D760101 D01 385	
D340101	HDT001121	NGUYỄN THỊ NGỌC ANH	267	1	D01	3,25	7	5	16,25	D340101 D01 231	D340301 D01 715	D340404 D01 495	D340202 D01 130	
D340101	HDT029481	ĐẬU THỊ VÂN	268	2	D01	3,25	7	5	16,25	D340301 D01 715	D340101 D01 231	D340202 D01 130		
D340101	TQU003160	NGUYỄN MỸ LINH	269	1	D01	3,25	7	4,5	16,25	D340101 D01 231	D340404 D01 495	D340202 D01 130		
D340101	HHA016051	ĐOÀN THỊ CẨM VÂN	270	1	D01	3,25	6,25	5,25	16,25	D340101 D01 231	D340404 D01 495	D340202 D01 130	D760101 D01 385	
D340101	DCN000273	LƯU THỊ LAN ANH	271	1	D01	3,25	6	6,5	16,25	D340101 D01 231	D340301 D01 715	D340404 D01 495		
D340101	HHA013676	LÊ NGỌC THÙY	272	1	D01	3,25	6	5,5	16,25	D340101 D01 231	D760101 D01 385	D340404 D01 495	D340301 D01 715	
D340101	TND029121	NGUYỄN THỊ THÚY VÂN	273	2	D01	3,25	5,75	6,25	16,25	D340301 D01 715	D340101 D01 231	D340404 D01 495		
D340101	HVN011389	NGUYỄN ĐẮC TRUNG	274	1	A00	3,25	5,5	6,5	16,25	D340101 A00 231	D340404 A00 495	D760101 A00 385	D340202 A00 130	

Điểm trúng tuyển tạm thời vào ngành QTKD										A00	A01	D1		
										15.00	15.0	15.0		
Tổng số thí sinh trúng tuyển tạm thời vào ngành QTKD												400		
Tổng chỉ tiêu xét tuyển của ngành QTKD												400		
Tên ngành	Số Báo danh	Họ và tên thí sinh	Xếp hạng	UT	To hợp môn	M1	M2	M3	Tong	Ngành ĐK nguyện vọng ưu tiên				GhichuM2
										UT1	UT2	UT3	UT4	
D340101	DCN000241	LÊ THỊ LAN ANH	275	2	D01	3,25	5,5	6,5	16,25	D340301 D01 715	D340101 D01 231	D760101 D01 385		
D340101	TND000867	NGUYỄN TRUNG ANH	276	2	D01	3	8,5	4,25	16,25	D340301 D01 715	D340101 D01 231			
D340101	YTB003753	NGUYỄN TIẾN DŨNG	277	2	D01	3	7	5,25	16,25	D340301 D01 715	D340101 D01 231			
D340101	HDT024519	TÔNG THỊ LỆ THU	278	1	D01	3	7	5,25	16,25	D340101 D01 231	D760101 D01 385	D340301 D01 715	D340404 D01 495	
D340101	THV013227	NGUYỄN THỊ THU'	279	1	D01	3	5,25	6,5	16,25	D340101 D01 231	D340202 D01 130	D340301 A01 770	D340404 A01 552	
D340101	THV014090	HOÀNG THỊ TRINH	280	1	A00	2,75	6,5	5,5	16,25	D340101 A00 231	D340404 A00 495	D340301 A00 715	D340202 A00 130	
D340101	YTB010288	TRỊNH THỊ THU HUYỀN	281	2	D01	2,5	7	5,75	16,25	D340301 D01 715	D340101 D01 231	D340404 D01 495	D760101 D01 385	
D340101	HDT026777	NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG	282	2	D01	2	6,5	6,75	16,25	D340301 D01 715	D340101 D01 231	D340404 D01 495		
D340101	HDT010194	NGUYỄN THỊ THUỶ HỒNG	283	2	A01	7	5	3,5	16	D340301 A01 770	D340101 A01 282	D340202 A01 143		
D340101	THV007689	PHẠM KHÁNH LINH	284	2	A00	6,75	4,5	3,25	16	D340301 A00 770	D340101 A00 282	D340404 A00 552	D760101 A00 409	
D340101	SPH004308	NGUYỄN MINH ĐỨC	285	2	A01	6,25	6	3,75	16	D340301 A01 770	D340101 A01 282	D340404 A01 552		
D340101	HHA015997	TRẦN THỊ THU UYÊN	286	1	A01	6	6	3,5	16	D340101 A01 282	D340404 A01 552			
D340101	TLA001444	NGUYỄN THỊ ÁNH	287	2	A00	5,75	4,75	5,5	16	D340301 A00 770	D340101 A00 282			
D340101	DCN010868	TẠ THỊ THU	288	1	D01	5,75	4,25	4,5	16	D340101 D01 282	D760101 D01 409	D340202 D01 143		
D340101	THV012861	TRẦN MINH THU	289	1	D01	5,5	6,75	2,25	16	D340101 D01 282	D340404 D01 552	D340301 D01 770	D760101 D01 409	

Điểm trúng tuyển tạm thời vào ngành QTKD										A00	A01	D1		
										15.00	15.0	15.0		
Tổng số thí sinh trúng tuyển tạm thời vào ngành QTKD												400		
Tổng chỉ tiêu xét tuyển của ngành QTKD												400		
Tên ngành	Số Báo danh	Họ và tên thí sinh	Xếp hạng	UT	To hợp môn	M1	M2	M3	Tong	Ngành ĐK nguyện vọng ưu tiên				GhichuM2
										UT1	UT2	UT3	UT4	
D340101	TLA001812	PHẠM NGỌC CHÂU	290	1	D01	5,5	6,5	4	16	D340101 D01 282	D340404 D01 552	D340202 D01 143		
D340101	HDT005358	NGUYỄN VĂN ĐẠT	291	1	A00	5,5	5,75	4,25	16	D340101 A00 282	D340404 A00 552			
D340101	TLA010036	BÙI NHƯ NGỌC	292	1	D01	5,25	6	4,75	16	D340101 D01 282	D340301 D01 770	D340404 D01 552	D340202 D01 143	
D340101	TLA002758	ĐÌNH NGỌC DUY	293	1	A00	5,25	5,75	5	16	D340101 A00 282	D340301 A00 770	D760101 A00 409	D340202 A00 143	
D340101	HDT009625	PHAN THỊ THU HOÀI	294	2	D01	5,25	5,75	4	16	D340301 D01 770	D340101 D01 282	D760101 D01 409		
D340101	SPH001601	TRỊNH TRÂM ANH	295	2	D01	5	6,5	3,5	16	D340301 D01 770	D340101 D01 282	D340404 D01 552	D760101 D01 409	
D340101	HDT003907	LƯU THỊ DUNG	296	2	A00	5	5	5	16	D340301 A00 770	D340101 A00 282	D340404 A00 552	D760101 A00 409	
D340101	DCN001742	NGUYỄN THỊ THANH DUNG	297	1	D01	4,75	7,5	2,75	16	D340101 D01 282	D340404 D01 552	D340301 D01 770	D340202 D01 143	
D340101	TLA001521	DƯƠNG TÙNG BÁCH	298	1	A00	4,75	5,25	6	16	D340101 A00 282				
D340101	TLA010877	BÙI BÍCH PHƯƠNG	299	1	D01	4,5	6	5,5	16	D340101 D01 282	D340404 D01 552	D340301 D01 770	D340202 D01 143	
D340101	HHA014766	PHẠM THỊ TÚ TRANG	300	1	D01	4,5	6	5,5	16	D340101 D01 282	D340301 D01 770			
D340101	THV002482	ĐÀO THÙY DƯƠNG	301	1	D01	4,25	6,5	3,75	16	D340101 D01 282				
D340101	KQH000245	LÊ NGỌC ANH	302	1	D01	4,25	6,25	5	16	D340101 D01 282	D340202 D01 143	D760101 D01 409	D340301 D01 770	
D340101	HVN005902	NGUYỄN KHÁNH LINH	303	1	D01	4,25	6	5,75	16	D340101 D01 282	D340404 D01 552	D340202 D01 143		
D340101	TLA012692	TRẦN THU THẢO	304	2	D01	4,25	5,25	6,5	16	D340301 D01 770	D340101 D01 282	D340404 D01 552	D340202 D01 143	

Điểm trúng tuyển tạm thời vào ngành QTKD										A00	A01	D1		
										15.00	15.0	15.0		
Tổng số thí sinh trúng tuyển tạm thời vào ngành QTKD												400		
Tổng chỉ tiêu xét tuyển của ngành QTKD												400		
Tên ngành	Số Báo danh	Họ và tên thí sinh	Xếp hạng	UT	To hợp môn	M1	M2	M3	Tong	Ngành ĐK nguyện vọng ưu tiên				GhichuM2
										UT1	UT2	UT3	UT4	
D340101	TND021035	HÀ THỊ NGỌC QUỲNH	305	2	D01	4	6,5	2	16	D340301 D01 770	D340101 D01 282	D340404 D01 552	D340202 D01 143	
D340101	HHA013379	NGÔ ĐỨC THỊNH	306	1	D01	4	6	5,5	16	D340101 D01 282	D340301 D01 770	D340404 D01 552	D340202 D01 143	
D340101	TLA015500	TỔNG THU VÂN	307	2	D01	4	5,75	6,25	16	D340301 D01 770	D340101 D01 282	D340404 D01 552		
D340101	DCN008286	PHAN THỊ THANH NHÀN	308	1	D01	4	5,75	5,75	16	D340101 D01 282	D340404 D01 552	D340301 D01 770	D760101 D01 409	
D340101	THV003734	MA THỊ THANH HẢI	309	1	D01	4	5,25	6,25	16	D340101 D01 282	D340404 D01 552	D760101 D01 409	D340301 D01 770	
D340101	TND014210	HOÀNG THÙY LINH	310	1	A01	4	4,5	4	16	D340101 A01 282	D760101 A01 409	D340202 A01 143	D340301 A01 770	
D340101	TLA001809	PHAN LÊ HÀ CHÂU	311	2	D01	3,75	5,75	5,5	16	D340301 D01 770	D340101 D01 282	D340404 D01 552	D340202 D01 143	
D340101	YTB004096	LÊ THỊ MỸ DUYÊN	312	2	D01	3,5	6	5,5	16	D340301 D01 770	D340101 D01 282	D340404 D01 552		
D340101	YTB001171	PHẠM THỊ PHƯƠNG ANH	313	1	D01	3,5	6	5,5	16	D340101 D01 282	D340404 D01 552	D340301 D01 770	D760101 D01 409	
D340101	TND013361	NGUYỄN THỊ TƯỜNG LAN	314	1	A01	3,25	6,5	4,75	16	D340101 A01 282	D340404 A01 552			
D340101	SPH009316	NGUYỄN PHƯƠNG LIÊN	315	1	D01	3,25	6	6,75	16	D340101 D01 282	D340404 D01 552			
D340101	DCN004116	NGUYỄN THỊ THU HOA	316	2	D01	3,25	5,75	6,5	16	D340301 D01 770	D340101 D01 282	D340404 D01 552	D760101 D01 409	
D340101	BKA013531	NGUYỄN THÙY TRANG	317	1	D01	3	6,5	5,5	16	D340101 D01 282	D340301 D01 770	D340404 D01 552		
D340101	YTB019740	NGÔ THU THẢO	318	2	A00	2,75	7,75	4,5	16	D340301 A00 770	D340101 A00 282			
D340101	SPH017413	LÊ MINH TRANG	319	2	D01	2,75	7,5	5,75	16	D340301 D01 770	D340101 D01 282	D340404 D01 552	D340202 D01 143	

Điểm trúng tuyển tạm thời vào ngành QTKD										A00	A01	D1		
										15.00	15.0	15.0		
Tổng số thí sinh trúng tuyển tạm thời vào ngành QTKD												400		
Tổng chỉ tiêu xét tuyển của ngành QTKD												400		
Tên ngành	Số Báo danh	Họ và tên thí sinh	Xếp hạng	UT	To hợp môn	M1	M2	M3	Tong	Ngành ĐK nguyện vọng ưu tiên				GhichuM2
										UT1	UT2	UT3	UT4	
D340101	YTB002136	TẠ THỊ CHĂM	320	2	D01	2,75	7,5	4,75	16	D340301 D01 770	D340101 D01 282	D340202 D01 143		
D340101	TND002299	PHẠM THỊ LINH CHI	321	1	D01	2,5	5	5	16	D340101 D01 282	D340301 D01 770	D340404 D01 552	D340202 D01 143	
D340101	TDV004272	NGUYỄN THỊ HỒNG DIỆP	322	2	D01	2,25	8	4,75	16	D340301 D01 770	D340101 D01 282			
D340101	SPH015693	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	323	2	A00	6	4,5	4,75	15,75	D340301 A00 815	D340101 A00 322			
D340101	TQU001404	LÊ BẢO HÀ	324	2	A00	5,75	5,75	2,75	15,75	D760101 A00 443	D340101 A00 322	D340301 A00 815	D340202 A00 157	
D340101	KQH003475	ĐỖ THỊ THANH HÀ	325	1	A00	5,75	4	5,5	15,75	D340101 A00 322	D340301 A00 815	D340404 A00 591		
D340101	SPH014730	ĐẶNG NGỌC SƠN	326	1	D01	5,75	4	5,5	15,75	D340101 D01 322				
D340101	SPH004792	KIỀU THANH HÀ	327	1	A01	5,5	5,5	4,75	15,75	D340101 A01 322	D340404 A01 591	D340202 A01 157	D760101 A01 443	
D340101	TLA008353	VŨ MỸ LINH	328	1	D01	5,5	5,5	4,75	15,75	D340101 D01 322	D340404 D01 591			
D340101	DCN005500	NGUYỄN THỊ HƯỜNG	329	2	A01	5,5	5,5	3,75	15,75	D340301 A01 815	D340101 A01 322	D340404 A01 591	D760101 A01 443	
D340101	HDT013990	HOÀNG THỊ THÙY LINH	330	1	D01	5,25	6,5	3	15,75	D340101 D01 322	D340404 D01 591			
D340101	DCN006416	NGUYỄN THỊ LINH	331	2	D01	5,25	5	5	15,75	D760101 D01 443	D340101 D01 322			
D340101	HVN010101	NGUYỄN HOÀI THU	332	1	A01	5	6,5	3,75	15,75	D340101 A01 322	D340202 A01 157	D340301 A01 815	D760101 A01 443	
D340101	DCN011371	PHAN THỦY TIÊN	333	1	D01	5	5,75	4,5	15,75	D340101 D01 322	D340404 D01 591	D340301 D01 815		
D340101	DCN005313	LƯU NGUYỄN QUỲNH HƯƠNG	334	1	A00	5	5,5	4,75	15,75	D340101 A00 322	D340301 A00 815	D760101 A00 443		

Điểm trúng tuyển tạm thời vào ngành QTKD										A00	A01	D1		
										15.00	15.0	15.0		
Tổng số thí sinh trúng tuyển tạm thời vào ngành QTKD												400		
Tổng chỉ tiêu xét tuyển của ngành QTKD												400		
Tên ngành	Số Báo danh	Họ và tên thí sinh	Xếp hạng	UT	To hợp môn	M1	M2	M3	Tong	Ngành ĐK nguyện vọng ưu tiên				GhichuM2
										UT1	UT2	UT3	UT4	
D340101	KHA010950	MAI PHÚC TÚ	335	1	A01	4,75	6,25	4,75	15,75	D340101 A01 322	D340404 A01 591	D760101 A01 443	D340202 A01 157	
D340101	SPH005718	PHẠM THANH HẰNG	336	2	D01	4,5	7	4,25	15,75	D340301 D01 815	D340101 D01 322	D340202 D01 157	D340404 D01 591	
D340101	KQH010570	PHAN THỊ KIỀU OANH	337	1	D01	4	5,5	5,75	15,75	D340101 D01 322	D760101 D01 443	D340202 D01 157	D340404 D01 591	
D340101	TDV029623	TRẦN THỊ HOÀI THƠ	338	1	D01	3,75	6	5,5	15,75	D340101 D01 322	D340202 D01 157	D340301 D01 815	D340404 D01 591	
D340101	TND027745	HOÀNG ĐỨC TUẤN	339	3	A01	3,75	5,5	3	15,75	D340301 A01 815	D760101 A01 443	D340101 A01 322	D340202 A01 157	
D340101	HDT015836	TRỊNH THỊ THẢO LY	340	2	D01	3,5	6,75	4,5	15,75	D340301 D01 815	D340101 D01 322	D340404 D01 591		
D340101	DCN004936	LÊ MỸ HUYỀN	341	1	D01	3,5	6,5	5,25	15,75	D340101 D01 322	D340301 D01 815	D340404 D01 591	D760101 D01 443	
D340101	TDV004659	NGUYỄN THỊ THÙY DUNG	342	1	D01	3,5	5	5,75	15,75	D340101 D01 322	D340301 D01 815	D340404 D01 591		
D340101	TLA002377	ĐỒNG NGỌC DIỆP	343	1	D01	3,25	6,75	5,75	15,75	D340101 D01 322	D340404 D01 591			
D340101	DCN002944	NGUYỄN THỊ THÚY HÀ	344	1	D01	3,25	6,5	5,5	15,75	D340101 D01 322				
D340101	KQH007291	NGUYỄN THỊ THÚY KIỀU	345	2	D01	3,25	5,5	6	15,75	D340301 D01 815	D340101 D01 322	D340404 D01 591	D340202 D01 157	
D340101	TND026373	NGUYỄN THU TRANG	346	2	D01	3,25	5,25	3,75	15,75	D340301 D01 815	D340101 D01 322	D340202 D01 157	D340404 D01 591	
D340101	BKA001179	TRẦN THỊ HỒNG ÁNH	347	1	D01	3	7	4,75	15,75	D340101 D01 322	D340404 D01 591	D760101 D01 443	D340301 D01 815	
D340101	YTB019048	PHẠM THỊ THANH TÂM	348	2	D01	3	7	4,75	15,75	D340301 D01 815	D340101 D01 322	D340404 D01 591	D340202 D01 157	
D340101	HDT027357	TRẦN THỊ NGỌC TRÂM	349	1	D01	3	6,75	5,5	15,75	D340101 D01 322	D340301 D01 815	D340404 D01 591	D760101 D01 443	

Điểm trúng tuyển tạm thời vào ngành QTKD										A00	A01	D1		
														15.00
Tổng số thí sinh trúng tuyển tạm thời vào ngành QTKD												400		
Tổng chỉ tiêu xét tuyển của ngành QTKD												400		
Tên ngành	Số Báo danh	Họ và tên thí sinh	Xếp hạng	UT	To hợp môn	M1	M2	M3	Tong	Ngành ĐK nguyện vọng ưu tiên				GhichuM2
										UT1	UT2	UT3	UT4	
D340101	HDT024390	LÊ THỊ THU	350	3	A00	3	6,25	5,5	15,75	D340301 A00 815	D760101 A00 443	D340101 A00 322		
D340101	SPH008410	NGUYỄN THỊ XUÂN HƯƠNG	351	2	D01	2,75	7	5,5	15,75	D340301 D01 815	D340101 D01 322	D340404 D01 591	D340202 D01 157	
D340101	TLA006791	NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG	352	2	D01	2,75	6	6,5	15,75	D340301 D01 815	D340101 D01 322	D340404 D01 591		
D340101	TND002102	LỤC THỊ CHÂM	353	1	A00	2,75	4,5	5	15,75	D340101 A00 322	D340301 A00 815	D340202 A00 157	D340404 A00 591	
D340101	THP016413	NGUYỄN THỊ TƯƠI	354	2	D01	2	6,5	6,25	15,75	D340301 D01 815	D340101 D01 322	D340404 D01 591	D340202 D01 157	
D340101	TLA014796	NGUYỄN TUẤN TÚ	355	1	D01	6,5	4,75	4,25	15,5	D340101 D01 354	D340404 D01 617	D340301 D01 837	D340202 D01 164	
D340101	THV011390	ĐỖ HOÀI SƠN	356	1	A00	6	4,75	4,25	15,5	D340101 A00 354	D340301 A00 837	D340404 A00 617	D340202 A00 164	
D340101	KQH005568	NGUYỄN THỊ HỒNG	357	2	A00	5,25	4,25	5,5	15,5	D340301 A00 837	D340101 A00 354			
D340101	KQH000642	PHAN THỊ MINH ANH	358	1	D01	4,75	5,5	4,75	15,5	D340101 D01 354	D760101 D01 462	D340202 D01 164	D340404 D01 617	
D340101	HDT020107	TRỊNH THỊ LAN PHƯƠNG	359	2	A00	4,5	6,5	4	15,5	D340301 A00 837	D340101 A00 354			
D340101	YTB009107	BÙI THỊ MINH HUÊ	360	2	A00	4,5	6	4	15,5	D340301 A00 837	D340101 A00 354	D340404 A00 617		
D340101	SPH019015	NGUYỄN THỊ TUYẾN	361	1	D01	4,25	6,5	4,75	15,5	D340101 D01 354	D340404 D01 617	D340202 D01 164		
D340101	TLA006207	NGUYỄN THỊ KHÁNH HUYỀN	362	2	D01	4,25	6	5,25	15,5	D340301 D01 837	D340101 D01 354	D340202 D01 164		
D340101	YTB002266	NGUYỄN THỊ CHI	363	2	D01	4	7	4	15,5	D340301 D01 837	D340101 D01 354			
D340101	HHA009137	ĐỖ THỊ BẢO MINH	364	1	D01	4	6,5	4,5	15,5	D340101 D01 354	D760101 D01 462	D340404 D01 617	D340202 D01 164	

Điểm trúng tuyển tạm thời vào ngành QTKD										A00	A01	D1		
										15.00	15.0	15.0		
Tổng số thí sinh trúng tuyển tạm thời vào ngành QTKD												400		
Tổng chỉ tiêu xét tuyển của ngành QTKD												400		
Tên ngành	Số Báo danh	Họ và tên thí sinh	Xếp hạng	UT	To hợp môn	M1	M2	M3	Tong	Ngành ĐK nguyện vọng ưu tiên				GhichuM2
										UT1	UT2	UT3	UT4	
D340101	TQU000297	TRẦN HOÀNG NGỌC ÁNH	365	3	A00	4	5,5	4,5	15,5	D760101 A00 462	D340301 A00 837	D340101 A00 354	D340404 A00 617	
D340101	THV013360	VŨ THỊ THỦY TIÊN	366	2	A00	4	4,5	5,5	15,5	D340301 A00 837	D340101 A00 354	D340404 A00 617	D340202 A00 164	
D340101	TLA012864	NGUYỄN TIẾN THẮNG	367	1	D01	3,5	6	6	15,5	D340101 D01 354	D340404 D01 617	D340301 D01 837	D340202 D01 164	
D340101	HDT020123	TRỊNH THỊ PHƯƠNG	368	2	D01	3,25	6,5	4,75	15,5	D340301 D01 837	D340101 D01 354	D340404 D01 617		
D340101	TND007062	TOÀN HỒNG HẠNH	369	2	D01	3,25	5,5	3,25	15,5	D340301 D01 837	D340101 D01 354	D340404 D01 617	D340202 D01 164	
D340101	SPH005654	NGUYỄN THỊ THU HẰNG	370	1	D01	2,75	7	4,75	15,5	D340101 D01 354	D340404 D01 617			
D340101	TLA014333	VŨ MINH TRANG	371	3	D01	2,75	6,25	6,5	15,5	D340301 D01 837	D760101 D01 462	D340101 D01 354	D340202 D01 164	
D340101	LNH002662	NGUYỄN DUY HẢI	372	1	D01	2,5	7,25	4,25	15,5	D340101 D01 354	D340404 D01 617	D340202 D01 164	D760101 D01 462	
D340101	DHU011516	TRẦN NGUYỄN THUỖ LINH	373	1	D01	5,5	6	3,25	15,25	D340101 D01 372	D340301 D01 857	D340404 D01 649	D340202 D01 168	
D340101	YTB014717	ĐỖ THỊ MY	374	3	D01	5	5,75	3,5	15,25	D760101 D01 483	D340301 D01 857	D340101 D01 372	D340202 D01 168	
D340101	TND017610	NGUYỄN THỦY NGÂN	375	2	D01	5	5,75	3	15,25	D340301 D01 857	D340101 D01 372			
D340101	TLA000820	NGUYỄN THỊ HUYỀN ANH	376	1	D01	4,75	5,75	4,75	15,25	D340101 D01 372	D340404 D01 649	D340301 D01 857		
D340101	THP012654	NGUYỄN VĂN SƠN	377	1	A01	4,75	5,5	3,5	15,25	D340101 A01 372	D340404 A01 649			
D340101	SPH018925	PHẠM VĂN TÙNG	378	2	A00	4,75	5	4,5	15,25	D340301 A00 857	D340101 A00 372	D340202 A00 168		
D340101	TND024784	ĐẶNG THỊ THANH THỦY	379	1	D01	4,5	6	4,25	15,25	D340101 D01 372	D340404 D01 649	D760101 D01 483		

Điểm trúng tuyển tạm thời vào ngành QTKD										A00	A01	D1		
										15.00	15.0	15.0		
Tổng số thí sinh trúng tuyển tạm thời vào ngành QTKD												400		
Tổng chỉ tiêu xét tuyển của ngành QTKD												400		
Tên ngành	Số Báo danh	Họ và tên thí sinh	Xếp hạng	UT	To hợp môn	M1	M2	M3	Tong	Ngành ĐK nguyện vọng ưu tiên				GhichuM2
										UT1	UT2	UT3	UT4	
D340101	SPH008580	TRẦN THU HƯỜNG	380	2	D01	3,75	5,5	6	15,25	D340301 D01 857	D340101 D01 372	D340404 D01 649		
D340101	DCN008821	HOÀNG THỊ THU PHƯƠNG	381	2	D01	3,25	7	4,5	15,25	D340301 D01 857	D340101 D01 372	D340404 D01 649	D760101 D01 483	
D340101	TLA015938	PHẠM HẢI YẾN	382	1	D01	3,25	6,5	5,5	15,25	D340101 D01 372				
D340101	TLA000084	TRẦN THU AN	383	2	D01	3,25	6,25	5,75	15,25	D340301 D01 857	D340101 D01 372	D340404 D01 649	D340202 D01 168	
D340101	TLA015395	TRẦN THU UYÊN	384	1	D01	3	5,75	6	15,25	D340101 D01 372	D340301 D01 857	D340404 D01 649	D760101 D01 483	
D340101	TQU002215	ĐỖ THỊ HUÊ	385	2	D01	2,75	7	4	15,25	D340301 D01 857	D340101 D01 372			
D340101	HHA013931	VŨ THỊ THÚY	386	1	D01	2,5	5,25	6,5	15,25	D340101 D01 372	D340404 D01 649	D340202 D01 168	D760101 D01 483	
D340101	BKA013554	PHẠM LINH TRANG	387	1	D01	5,5	6	3,5	15	D340101 D01 386	D340404 D01 664	D760101 D01 492	D340202 D01 175	
D340101	TDV030610	LÊ THỊ DIỆU THÚY	388	1	A00	5,25	5,75	3	15	D340101 A00 386	D340301 A00 868	D340404 A00 664	D340202 A00 175	
D340101	SPH008127	NGUYỄN QUANG HÙNG	389	1	D01	5,25	5,5	4,25	15	D340101 D01 386	D340404 D01 664	D340301 D01 868		
D340101	TLA014728	NGUYỄN ANH TÚ	390	1	D01	5	6,25	3,75	15	D340101 D01 386	D340404 D01 664	D760101 D01 492	D340301 D01 868	
D340101	SPH004306	NGUYỄN MINH ĐỨC	391	1	D01	4,25	4,5	6,25	15	D340101 D01 386				
D340101	THV010494	NGUYỄN THỊ HÀ PHƯƠNG	392	1	D01	3,75	7	3,75	15	D340101 D01 386	D340301 D01 868	D340404 D01 664	D340202 D01 175	
D340101	KQH008090	TRẦN NGUYỄN HẠNH LINH	393	1	D01	3,5	7	4	15	D340101 D01 386	D340202 D01 175	D760101 D01 492	D340404 D01 664	
D340101	SPH005423	PHÙNG THỊ HỒNG HẠNH	394	2	D01	3,5	6,5	4	15	D340301 D01 868	D340101 D01 386	D340404 D01 664	D340202 D01 175	

Điểm trúng tuyển tạm thời vào ngành QTKD										A00	A01	D1		
										15.00	15.0	15.0		
Tổng số thí sinh trúng tuyển tạm thời vào ngành QTKD												400		
Tổng chỉ tiêu xét tuyển của ngành QTKD												400		
Tên ngành	Số Báo danh	Họ và tên thí sinh	Xếp hạng	UT	To hợp môn	M1	M2	M3	Tong	Ngành ĐK nguyện vọng ưu tiên				GhichuM2
										UT1	UT2	UT3	UT4	
D340101	HDT014411	NGUYỄN NGỌC LINH	395	1	D01	3,25	8	3,25	15	D340101 D01 386	D760101 D01 492	D340202 D01 175	D340301 D01 868	
D340101	TLA008806	NGUYỄN THỊ LY	396	2	D01	3,25	6	5,75	15	D340301 D01 868	D340101 D01 386			
D340101	KQH012267	LÊ THỊ THANH	397	2	D01	3,25	6	4,75	15	D340301 D01 868	D340101 D01 386	D340404 D01 664		
D340101	HDT015870	NGUYỄN HƯƠNG LÝ	398	1	D01	2,75	6,25	5	15	D340101 D01 386	D340301 D01 868	D340404 D01 664		
D340101	HDT025658	LÊ MỸ TIỀN	399	1	D01	2,25	6	6,25	15	D340101 D01 386	D340301 D01 868	D340404 D01 664		
D340101	TLA000893	NGUYỄN THỊ QUỲNH ANH	400	2	D01	2	6	6,5	15	D340301 D01 868	D340101 D01 386	D340404 D01 664		

NGƯỜI LẬP BIỂU									
Lục Mạnh Hiền									

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

TS. Hà Xuân Hùng